TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21- 7-2023
V/v: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Phan Thị Vui

2. Ông Phạm Quốc Vượng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Nguyễn Khải Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 81/2023/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước; quyết định hoãn phiên tòa số:44/2023/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước: Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đinh Đức T, sinh năm 1982, vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 7, thôn 8, xã Mê Pu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận

- Bị đơn: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1985, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Sóc Ruộng 1, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Đinh Đức T trình bày:* ông Đinh Đức T và bà Vũ Thị N, sinh năm 1985, địa chỉ: Tổ 2, ấp Sóc Ruộng 1, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước, sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 04/11/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng

bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm lo lắng cho nhau, dẫn đến vợ chồng không hòa hợp, hiện nay vợ chồng đã ly thân. Vì vậy ông Đinh Đức T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Vũ Thị N. Về con chung: Ông Đinh Đức T với bà Vũ Thị N không có con chung. Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Bị đơn bà Vũ Thị N*: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo về việc thụ lý vụ, thông báo về việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên bà Vũ Thị N không có lời khai và vắng mặt không có lý do, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa nên không có bản trình bày của bà Vũ Thị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thựa hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Đức T: Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bà ông Đinh Đức T ly hôn với bà Vũ Thị N; Về con chung: Nguyên đơn khai vợ chồng không có con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung: Nguyên đơn khai không không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Đinh Đức T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông bà Vũ Thị N, cư trú tại Tổ 2, ấp Sóc Ruộng 1, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến vụ án cho bà Vũ Thị N, tuy nhiên bà Vũ Thị N không chấp hành theo triệu tập của Tòa án, nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa ngày 06/7/2023 bà Vũ Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ông Vũ

Đức T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Vũ Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đức T thấy rằng:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Đinh Đức T và bà Vũ Thị N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 04/11/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại điều 08 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án Đinh Đức T xác nhận, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm lo lắng cho nhau, dẫn đến vợ chồng không hòa hợp, hiện nay vợ chồng đã ly thân. Qua xác minh tại nơi cư trú của đương sự đã xác định vợ chồng bà N và ông T có mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không hợp nhau, hiện nay vợ chồng hiện nay đã ly thân không còn chung sống với nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông T, bà N đã trầm trọng kéo dài, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông Đinh Đức T yêu cầu ly hôn với bà Vũ Thị N là có cơ sở phù hợp thực tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung:* Nguyên đơn khai vợ chồng không có con chung

- *Về tài sản chung*: Nguyên đơn khai vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung:* Nguyên đơn khai vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn ông Đinh Đức T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:* Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Các Điều 51, 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Đức T

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên ông Đinh Đức T ly hôn với bà Vũ Thị N (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 04/11/2019 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước).

2. *Về con chung:* Nguyên đơn khai vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét

3.*Về tài sản chung*: Nguyên đơn khai vợ chồng không tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về nợ chung:* Nguyên đơn khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét

5. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông Đinh Đức T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Thảo đã nộp theo biên lai thu số 0014447 ngày 07/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

6. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

DƯƠNG QUỐC THÀNH